

Bản án số: 14/2023/DS-PT
Ngày: 02/3/2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương.

Bà Võ Thị Hồng Thu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 259/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2023/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959 (có mặt)

Cư trú: Số 02/25 B, TP. Q, tỉnh Bình Định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Thế Q

- Luật sư hoạt động tại Công ty Luật TNHH MTV N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định. (có mặt)

Địa chỉ: Số 02/46 Ph, TP. Q, tỉnh Bình Định.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960 (có mặt)

Cư trú: Lô 11 H, P. Đ, TP. Q, tỉnh Bình Định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thanh T – Luật sư của Văn phòng Luật sư Th thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Định. (có mặt)

Địa chỉ: Số 51 Ph, TP. Q, tỉnh Bình Định.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn D, sinh năm 1954 (có mặt)

Cư trú: Lô 11 H, P. Đ, TP. Q, tỉnh Bình Định.

2. Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 1968 (có mặt)
 3. Bà Phạm Thị Ngọc G, sinh năm: 1958 (vắng mặt)
 4. Ông Phạm Tiến D, sinh năm: 1960 (vắng mặt)
- Cùng cư trú: Số 02/25 B, TP. Q, tỉnh Bình Định.
5. Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Định (có đơn vắng mặt)
- Địa chỉ: Số 137 L, TP. Q Nhơn, tỉnh Bình Định
- Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tôn Thanh X – Trưởng phòng.
- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Cha mẹ bà D là cụ Nguyễn L (chết năm 2008) và cụ Nguyễn Thị K (chết năm 2018). Các cụ có 02 người con:

- Nguyễn Thị D, sinh năm 1959.
- Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960.

Ngoài ra, 02 cụ không có con riêng nào khác, ông bà nội ngoại đều đã chết trước 02 cụ.

Lúc còn sống, 02 cụ đã tạo lập 01 ngôi nhà và đất có diện tích 91,5m² thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Nhà số 02/25 B, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ: BU4818 được UBND thành phố Q cấp ngày 29/12/2014 cho 02 cụ Nguyễn Thị K và Nguyễn L). Đến năm 2008 (lúc cụ L còn sống) vì nhà cũ đã hư hỏng nên 02 cụ đã đồng ý cho bà D xây dựng 01 ngôi nhà có diện tích khoảng 56m², bà Th cũng biết và đồng ý để bà D xây dựng nhà.

Cụ L chết năm 2008 không để lại di chúc, cụ K tiếp tục sống tại nhà 02/25 B, TP. Q với bà D. Năm 2016, cụ K có viết di chúc được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Định ngày 17/10/2016 với nội dung là để lại phần sở hữu tài sản của cụ K (1/2 ngôi nhà 02/25 B, TP. Q và phần thừa kế của cụ L) cho bà D.

Vào năm 2015, bà Th về nói với cụ K là cần có đất để xây nhà ở, cụ K có cho bà Th 25m² và bà Th đã xây dựng 01 ngôi nhà trên diện tích 27m² đất, sau đó đã bán lại cho bà Phạm Thị Ngọc H vào năm 2019. Sau khi cụ L chết thì toàn bộ diện tích đất tại 02/25 B là tài sản chung của cụ K, bà D và bà Th, việc cụ K cho bà Th 25m² đất mà không được sự đồng ý của bà D, bà Th xây dựng nhà xong không ở mà bán cho người khác nên bà D không chấp nhận. Bà D yêu cầu phần diện tích đất mà cụ K cho bà Th vẫn đưa vào di sản thừa kế của cha mẹ để chia.

Nay, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại là phần đất có diện tích 91,5m² tại 02/25 B theo di chúc của cụ K và theo quy định pháp luật đối với phần di sản của cụ L. Đối với ngôi nhà có diện tích khoảng 56m² do bà D chi phí xây dựng toàn bộ vào năm 2008 nên cần được khấu trừ trước khi chia thừa kế. Bà D yêu cầu được nhận toàn bộ di sản của cha mẹ, trả lại giá trị xây dựng nhà trên diện tích đất 27m² cho vợ chồng bà Th và trả lại giá trị kỷ phần thừa

kế mà bà Th được hưởng từ cụ L.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà Thuyền thống nhất với lời khai của bà D về cha mẹ bà là 02 cụ Nguyễn L và Nguyễn Thị K, 02 cụ có 02 người con là Nguyễn Thị D, sinh năm 1959 và Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960. Ngoài ra, 02 cụ không có con riêng nào khác, ông bà nội ngoại đều đã chết trước 02 cụ.

Lúc còn sống, 02 cụ có tạo lập được 01 ngôi nhà và đất có diện tích 91,5m² thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Nhà số 02/25 B, thành phố Q, tỉnh Bình Định (giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ: BU4818 được UBND thành phố Q cấp ngày 29/12/2014 cho cụ Nguyễn Thị K và cụ Nguyễn L).

Năm 2014 cụ Kế có cho bà Th một phần đất là 25m², vì đất vẫn nằm trong diện tích đất của cha mẹ nên vợ chồng bà Th phải nhờ cụ Kế xin giấy phép UBND thành phố để bà Th xây dựng nhà. Năm 2015 cụ K viết giấy cho đất nhưng không qua công chứng vì diện tích tối thiểu không đủ 40m². Khi làm nhà thì đất bị méo nên diện tích đất xây dựng là 27m². Vì diện tích đất không đủ 40m² nên không thể tách thửa và cũng không thể làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Đến năm 2019 vợ chồng bà Th đã bán ngôi nhà này cho bà Phạm Thị Ngọc H với giá 850.000.000đ, việc mua bán chỉ làm giấy tờ viết tay, không có công chứng, chứng thực theo quy định. Bà H và gia đình đã quản lý và sử dụng nhà từ khi mua cho đến nay. Bà Th yêu cầu Tòa án tiếp tục giao ngôi nhà này cho bà H sở hữu.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại là nhà và đất nói trên theo di chúc của cụ K và theo quy định pháp luật đối với phần di sản của cụ L, bà Th không đồng ý. Vì tại thời điểm cụ K lập di chúc, cụ không minh mẫn, sáng suốt, cụ bị bệnh huyết áp cao và 03 lần phải cấp cứu nặng tại bệnh viện và đồng thời cụ bị bệnh viêm tai giữa, điếc không nghe. Còn nhân chứng xác nhận trí tuệ minh mẫn là không khách quan. Năm 2016, khi bà D đưa cụ K lên Phòng công chứng số 1 Bình Định lập di chúc nhưng lại không cập nhật hiện trạng trên thửa đất đã có nhà 27m² vợ chồng bà Th đã xây dựng xong. Bà Th yêu cầu không công nhận di chúc ngày 17/10/2016 của cụ K và yêu cầu chia di sản của cha mẹ bà theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn D trình bày:

Ông D là chồng bà Th và ông thống nhất như lời khai của bà Th.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Vào năm 2019, bà có mua 01 ngôi nhà xây trên đất có diện tích 27m² tại 02/25 B, TP. Q của vợ chồng bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn D với giá tiền là 850.000.000đ. Mục đích bà mua nhà để ở nên nay bà D và bà Th tranh chấp nhau về việc chia thừa kế có liên quan đến ngôi nhà này, bà yêu cầu vẫn tiếp tục sở hữu ngôi nhà tại 02/25 B, TP. Q nói trên. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Thị Ngọc H trình bày bà cho anh chị ruột là bà Phạm Thị Ngọc G và ông Phạm Tiến D ở nhờ, chị G và anh D không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong căn nhà bà mua của chị Th nên bà H đồng ý với bản án sơ thẩm và không kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc G và ông Phạm Tiến D không đến tòa nên không lấy được lời khai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Định do ông Tôn Thanh X đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 17/10/2016, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Định có công chứng Di chúc của cụ Nguyễn Thị K, số công chứng 7971, quyền số 04 TP/CC–SCC/HĐGD. Nội dung của di chúc không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, năng lực chủ thể của cụ K do công chứng viên kiểm tra trước khi lập di chúc.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 259/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn L và Nguyễn Thị K.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn L và Nguyễn Thị K là nhà và đất có diện tích 91,5m² thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất tại 02/25 đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BU 44818, số vào sổ cấp GCN: CH 01089 do UBND thành phố Q cấp cho cụ K và cụ L (c) ngày 29/12/2014.

3. Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng đất có diện tích 91,5m² và quyền sở hữu 02 ngôi nhà và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất tại 02/25 đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định đối với nhà và đất sau khi bà D thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho những người có tên sau:

- Bà Nguyễn Thị Th: 1.212.668.000đ (một tỷ hai trăm mười hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)

- Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn D: 280.227.000đ (hai trăm tám mươi triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

4. Bà Nguyễn Thị Th được sở hữu số tiền 1.212.668.000đ do bà D giao lại.

5. Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn D được sở hữu số tiền 280.227.000đ do bà D giao lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS.

Bà D có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật để được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà 02/25 đường B, thành phố Q cho bà.

6. Bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn D, bà Phạm Thị Ngọc H, bà Phạm Thị Ngọc G, ông Phạm Tiến D phải có nghĩa vụ giao lại ngôi nhà (được xây trên diện tích đất 27m²) và đất tại 02/25 B thuộc tờ 19, khu vực 04, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định cho bà Nguyễn Thị D khi bà D thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn D.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26/9/2022, bà Nguyễn Thị D gửi đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xác định ngôi nhà xây năm 2008 trên thửa đất số 142 có diện tích 55,6m² là tài sản do bà D bỏ tiền ra xây nên cần được khấu trừ cho bà D trước khi chia thừa kế, đồng thời phần diện tích 25m² cụ K cho bà Th là không hợp pháp và yêu cầu đưa phần diện tích này vào chia thừa kế.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Yêu cầu tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D vì ngôi nhà 55,6m² là tài sản do bà D bỏ tiền ra xây và việc cụ K cho bà Th 25m² là không phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Yêu cầu tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà D vì không có cơ sở, không phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên tại mục 3 của phần Quyết định bản án sơ thẩm tuyên: “Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng đất có diện tích 91,5m² và quyền sở hữu 02 ngôi nhà và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất tại 02/25 đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định đối với nhà và đất sau khi bà D thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho những người có tên sau: Bà Th 1.212.668.000đ; bà Th và ông D 280.227.000đ” sẽ khó khăn cho quá trình thi hành án. Vì vậy cần tuyên: Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng đất có diện tích 91,5m² và quyền sở hữu 02 ngôi nhà và tài sản trên đất. Buộc bà D thanh toán cho bà Th 1.212.668.000đ và thanh toán cho bà Th, ông D số tiền 280.227.000đ.

Vì các lẽ trên, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự sửa một phần nội dung Quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bà Phạm Thị Ngọc G, ông Phạm Tiến D vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, đại diện Phòng Công chứng số 01 tỉnh Bình Định có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nhà và đất có diện tích 91,5m² thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 19, tại số 02/25 đường B thuộc tổ 19, KV 4, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cụ L và cụ K ngày

29/12/2014 (số vào sổ cấp GCN: CH 01089) nên đây là di sản thừa kế của cụ L và cụ K chết để lại.

[2.2] Xét giấy cho đất xây nhà ở ngày 06/4/2015: Sau khi cụ Nguyễn L chết năm 2008, cụ K có quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung vợ chồng với cụ L cộng thêm phần tài sản cụ K được hưởng thừa kế của cụ L nên việc cụ K định đoạt làm giấy cho $25m^2$ đất cho bà Nguyễn Thị Th và xin cấp phép xây dựng nhà trong phần diện tích $91,5m^2$ thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 19, tại số 02/25 đường B thuộc tổ 19, KV 4, phường H, thành phố Q là phù hợp trong phạm vi quyền của cụ K được pháp luật cho phép mà không phụ thuộc vào ý chí của các con cụ K. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận việc cụ K cho bà Th $25m^2$ đất và phần tài sản của cụ K sẽ được khấu trừ diện tích đất $25m^2$ này trước khi chia thừa kế là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Xét ngôi nhà xây năm 2008, trên thửa đất số 142, có diện tích $55,6m^2$ hiện nay do bà D quản lý, sử dụng: Mặc dù ông Trần Văn H là người làm chứng trình bày ông là người lo toàn bộ vật tư xây dựng và hoàn thiện công trình nhà cho bà D, bà D là người trả toàn bộ chi phí cho ông với tổng số tiền 336.000.000đ. Nhưng ngoài lời khai của ông H thì bà D không cung cấp được hợp đồng xây dựng hay tài liệu, chứng cứ nào khác về việc bà D trả tiền xây dựng từ nguồn tiền của cá nhân bà D. Ngoài ra, ngôi nhà được xây dựng khi cha mẹ bà D còn sống nằm trong khuôn viên đất của cha mẹ bà. Trong di chúc của cụ K ngày 17/10/2016 thì cụ K xác định nhà ở có diện tích xây dựng $56m^2$, diện tích sàn $112m^2$ là thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của cụ L, cụ K. Đồng thời theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2020 bà D thừa nhận lúc còn sống cha mẹ bà có tạo lập tài sản gồm 01 ngôi nhà 02 tầng, xây dựng vào năm 2008, diện tích $56m^2$ trên thửa đất số 142 và bà D yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ K ngày 17/10/2016. Do đó, cấp sơ thẩm xác định ngôi nhà này là di sản của 02 cụ K và L để chia thừa kế là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên tại mục [2.2] và [2.3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị D yêu cầu cấp phúc thẩm xác định ngôi nhà xây năm 2008 trên thửa đất số 142 có diện tích $55,6m^2$ là tài sản do bà D bỏ tiền ra xây và phần diện tích $25m^2$ cụ K cho bà Th là không hợp pháp là không có căn cứ nên hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Vì bà D là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên bà D được miễn nộp.

[6] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu tòa án sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Th yêu cầu tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự sửa một phần nội dung Quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp một phần nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 632, 634, 649, 650, 651, 659, 660 BLDS Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D (yêu cầu cấp phúc thẩm xác định ngôi nhà xây năm 2008 trên thửa đất số 142 có diện tích 55,6m² là tài sản do bà D bỏ tiền ra xây và phần diện tích 25m² cụ K cho bà Th là không hợp pháp).

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 259/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng